

CỤC THUẾ
THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Ký bởi: THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Ngày ký: 08-09-2026 10:35:30 +07:00
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8866/CTH-QLDN3
V/v hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN
đối với tiền lương, tiền công

Cần Thơ, ngày 08 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Giáp Quán Thăng
Mã số thuế: 6300135873
Địa chỉ: ấp Long An B, xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ

Ngày 22/8/2026, Thuế thành phố Cần Thơ nhận được Văn bản số 01/2026/CV-TTNCN ngày 18/8/2026 của Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Giáp Quán Thăng (sau đây gọi là Công ty) về việc đề nghị hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN đối với tiền lương tăng ca ngày và tăng ca đêm. Về nội dung này, Thuế thành phố Cần Thơ trao đổi như sau:

- Căn cứ khoản 8 Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025 quy định về thu nhập được miễn thuế:

“Điều 4. Thu nhập được miễn thuế

8. Tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định của pháp luật.”

- Căn cứ Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân:

“Điều 26. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép

1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.

Tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc, khoản tiền lương làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được lưu tại tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan thuế. Trường hợp không lập bảng kê riêng, tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm chứng minh khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động và các tài liệu hợp pháp khác.

2. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 113 của Bộ luật Lao động và quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức.



3. Trường hợp tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép vượt mức quy định của pháp luật thì phần vượt mức quy định tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.”

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 98 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 quy định về tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm:

“Điều 98. Tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm

1. Người lao động làm thêm giờ được trả lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc đang làm như sau:

a) Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;

...

2. Người lao động làm việc vào ban đêm thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc của ngày làm việc bình thường.”

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 quy định về giờ làm việc ban đêm:

“Điều 106. Giờ làm việc ban đêm

Giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.”

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 107 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 quy định về làm thêm giờ:

“Điều 107. Làm thêm giờ

...

2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:

...

c) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

...

3. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm trong một số ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp sau đây:

a) Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản; ...”

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 quy định về nghỉ hằng năm:

“Điều 113. Nghỉ hằng năm

1. Người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau:

a) 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường;

...

3. Trường hợp do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được người sử dụng lao động thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ.”

- Căn cứ Điều 60, Điều 61, Điều 65 và Điều 66 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động:

“Điều 60. Giới hạn số giờ làm thêm

1. Tổng số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày làm việc bình thường, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

...
4. Tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong một ngày, khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hằng tuần.

Điều 61. Các trường hợp được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 107 của Bộ luật Lao động, các trường hợp sau đây được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong năm:

1. Các trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn phát sinh từ các yếu tố khách quan liên quan trực tiếp đến hoạt động công vụ trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại Điều 108 của Bộ luật Lao động.

2. Cung ứng dịch vụ công; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

3. Công việc trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp thực hiện thời giờ làm việc bình thường không quá 44 giờ trong một tuần.

...
Điều 65. Thời gian được coi là thời gian làm việc để tính số ngày nghỉ hằng năm của người lao động

1. Thời gian học nghề, tập nghề theo quy định tại Điều 61 của Bộ luật Lao động nếu sau khi hết thời gian học nghề, tập nghề mà người lao động làm việc cho người sử dụng lao động.

2. Thời gian thử việc nếu người lao động tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động sau khi hết thời gian thử việc.

3. Thời gian nghỉ việc riêng có hưởng lương theo khoản 1 Điều 115 của Bộ luật Lao động.

Điều 66. Cách tính ngày nghỉ hằng năm trong một số trường hợp đặc biệt

1. Số ngày nghỉ hằng năm của người lao động làm việc chưa đủ 12 tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 113 của Bộ luật Lao động được tính như sau: lấy số ngày nghỉ hằng năm cộng với số ngày được nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), chia cho 12 tháng, nhân với số tháng làm việc thực tế trong năm để tính thành số ngày được nghỉ hằng năm.

2. Trường hợp người lao động làm việc chưa đủ tháng, nếu tổng số ngày làm việc và ngày nghỉ có hưởng lương của người lao động (nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định tại Điều 112, Điều 113, Điều 114 và Điều 115 của Bộ luật Lao động) chiếm tỷ lệ từ 50% số ngày làm việc bình thường trong tháng theo thỏa thuận thì tháng đó được tính là 01 tháng làm việc để tính ngày nghỉ hằng năm”

Căn cứ các quy định nêu trên và theo trình bày của Công ty tại Văn bản số 01/2026/CV-TTNCN, Thuế thành phố Cần Thơ trao đổi từng nội dung như sau:

1. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ

Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động được miễn thuế TNCN; Phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ vượt mức quy định của pháp luật thì phần vượt mức quy định tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế phát sinh, hồ sơ, chứng từ và đối chiếu với các quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về thuế thu nhập cá nhân nêu trên để thực hiện đúng quy định.

2. Về trường hợp làm thêm giờ vượt quá quy định:

Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm đối với hoạt động sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 107 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019. Đối với phần tiền lương vượt mức quy định của pháp luật về lao động phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân.

3. Về tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép được miễn thuế thu nhập cá nhân khi phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép quy định tại khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019.

4. Về hiệu lực thi hành của Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ:

“Điều 69. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Việc xác định thời gian áp dụng trong một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026;

...

Điều 70. Điều khoản chuyển tiếp

...

2. Các trường hợp đã kê khai, nộp thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công cho kỳ tính thuế năm 2026 trong thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập cá nhân áp dụng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải nộp lại hồ sơ khai thuế tháng, quý mà thực hiện điều chỉnh vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm 2026.”

Căn cứ quy định nêu trên, đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc kỳ tính thuế năm 2026 mà Công ty đã khai, nộp thuế trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến trước ngày Nghị định 253/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, Công ty không phải nộp lại hồ sơ khai thuế tháng, quý mà thực hiện điều chỉnh khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2026.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế phát sinh, hồ sơ, chứng từ và đối chiếu với các quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về thuế thu nhập cá nhân nêu trên để thực hiện đúng quy định

Nếu có vướng mắc, đề nghị Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Giáp Quán Thăng liên hệ với Thuế Thành phố Cần Thơ theo địa chỉ: Số 379, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Tân An, thành phố Cần Thơ (Bộ phận liên hệ: Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp số 3. Số điện thoại: 0292.3907026).

Thuế thành phố Cần Thơ thông báo để Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Giáp Quán Thăng biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các phòng QLDN 1,2,4
- Phòng NVDTTC;
- Phòng CNTT;
- Phòng KTr1,2,3;
- Các Thuế cơ sở;
- Website Thuế TP Cần Thơ;
- Lưu: VT, QLDN3.

**KT. TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ**



Huỳnh Tấn Phát